

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **112/2024/DS-PT**

Ngày: 08-5-2024.

V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và hợp đồng góp hội.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tố Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Út, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 3 năm 2024; ngày 02 tháng 4 năm 2024; ngày 06 tháng 5 và ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLPT-DS, ngày 25 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 245/2023/DS-ST, ngày 14-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1 Ông B, sinh năm 1974 (có mặt).

2.2 Bà C, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Bà D, Luật sư cộng tác viên trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Đường K, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Người kháng cáo: Các bị đơn ông B, bà C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà A trình bày:*

Bà A làm chủ hội, ông B và bà C là hội viên. Sau khi hốt hội xong, thì ông B và bà C không đóng hội chết, cụ thể như sau:

- Dây hội 1: Hội mùa 5.000.000đồng (04 tháng khai một lần), mở vào ngày 30/3/2012 âm lịch, mãn ngày 30/3/2018 âm lịch (nhằm ngày 15/5/2018 dương lịch), có 19 phần, ông B và bà C tham gia một phần, ông B, bà C đóng hội sống được 09 lần, đến lần khai thứ 10 thì ông B và bà C hốt ngày 20/3/2015 âm lịch, ra lời 1.700.000 đồng, hốt được 74.700.000 đồng. Sau khi hốt hội xong, ông B và bà C có đóng hội chết lại cho bà 04 lần, còn 05 lần ông B, bà C không đóng hội chết (05 lần x 5.000.000đồng = 25.000.000đồng). Tôi phải bỏ tiền ra để đóng hội chết thay cho ông B và bà C số tiền 25.000.000đồng.

- Dây hội 2: Hội mùa 5.000.000đồng 03 tháng khai một lần, mở vào ngày 10/7/2013 âm lịch, mãn vào ngày 20/10/2019 âm lịch (nhằm ngày 06/11/2019 dương lịch), có 25 phần, ông B và bà C tham gia 01 phần, ông B và bà C đóng hội sống được 11 lần, đến lần thứ 12 thì ông B và bà C hốt, ra lời 1.200.000đồng, hốt được 104.400.000đồng. Sau khi hốt hội xong, thì ông B và bà C có đóng hội chết được 04 lần, còn lại 10 lần hội chết ông B, bà C không đóng là 50.000.000đồng.

- Dây hội 3: Hội mùa 5.000.000đồng 03 tháng khai một lần, mở vào ngày 20/9/2015 âm lịch, mãn vào ngày 20/10/2019 âm lịch (nhằm ngày 06/11/2019 dương lịch), có 22 phần, ông B và bà C tham gia 01 phần, ông B và bà C đóng hội sống được 07 lần, đến lần thứ 08 thì ông B, bà C hốt được số tiền là 84.000.000đồng. Sau khi hốt hội xong, thì ông B và bà C không đóng hội chết được 14 lần là 70.000.000 đồng.

- Dây hội 4: Hội mùa 5.000.000 đồng 04 tháng khai một lần, mở vào ngày 20/3/2018 âm lịch, mãn vào ngày 20/11/2023 âm lịch, có 18 phần, ông B và bà C tham gia 01 phần, ông B và bà C đóng hội sống được 03 lần, đến lần thứ 4 thì ông B và bà C hốt, ra lời 2.100.000 đồng, hốt được 55.600.000 đồng. Sau khi hốt hội xong, thì ông B và bà C không đóng hội chết được 14 lần là 70.000.000 đồng.

- Dây hội 5: Hội tháng 3.000.000 đồng 02 tháng khai một lần, mở vào ngày 25/7/2018 âm lịch, mãn vào ngày 25/10/2021 âm lịch, có 21 phần, ông B và bà C tham gia 01 phần, ông B và bà C đóng hội sống được 02 lần, đến lần thứ 3 thì ông B và bà C hốt, ra lời 760.000 đồng, hốt được 46.320.000 đồng. Sau khi hốt hội xong, thì ông B và bà C không đóng hội chết được 18 lần là 54.000.000 đồng.

- Dây hụi 6: Hụi tháng 5.000.000 đồng 02 tháng khui một lần, mở vào ngày 10/9/2020 âm lịch, mẫn vào ngày 25/10/2021 âm lịch, có 21 phần, ông B và bà C tham gia 01 phần, ông B và bà C hốt đầu, ra lời 1.500.000 đồng, hốt được 70.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong, thì ông B và bà C không đóng hụi chết được 16 lần là 80.000.000 đồng.

- Dây hụi 7: Hụi tháng 5.000.000 đồng 03 tháng khui một lần, mở vào ngày 20/6/2020 âm lịch, mẫn vào ngày 20/5/2026 âm lịch, có 25 phần, ông B và bà C tham gia 01 phần, ông B và bà C hốt đầu, ra lời 1.850.000 đồng, hốt được 73.100.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong, thì ông B và bà C không đóng hụi chết được 12 lần là 60.000.000 đồng.

Tổng cộng 07 dây hụi ông B, bà C còn thiếu là 409.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông B, bà C còn vay số tiền như sau:

- Ngày 30/6/2017 âm lịch (nhằm ngày 21/8/2017 dương lịch), vay 75.000.000 đồng, ông B, bà C có đóng lãi được 29.000.000 đồng.

- Ngày 22/9/2020 âm lịch (nhằm ngày 07/11/2020 dương lịch), vay 50.000.000 đồng, đóng lãi đến ngày 22/02/2023 âm lịch là 50.000.000 đồng.

Tổng cộng hai lần vay thì ông B, bà C còn nợ tiền vốn là 125.000.000 đồng.

Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông B và bà C có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hụi còn thiếu là 409.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày số tiền hụi mà bà đã ra tiền đóng thay cho ông B, bà C đến giải quyết xong vụ kiện, cụ thể:

- Dây hụi 1: Bà đóng thay 25.000.000 đồng, tạm tính đến ngày 15/5/2018 dl đến ngày 15/7/2023 là 62 tháng x 10%/năm = 12.916.000 đồng.

- Dây hụi 2: Bà đóng thay 50.000.000 đồng, tạm tính đến ngày 06/11/2019 dl đến ngày 06/7/2023 là 44 tháng x 10%/năm = 18.333.000 đồng.

- Dây hụi 3: Bà đóng thay 70.000.000 đồng, tạm tính đến ngày 16/11/2019 dl đến ngày 16/7/2023 là 44 tháng x 10%/năm = 25.666.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi chậm trả là: 56.915.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi và tiền lãi hụi là: 465.915.000 đồng.

Vốn vay 125.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay cho đến ngày giải quyết xong vụ kiện, cụ thể:

- Vốn vay 75.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 21/8/2017 dl đến ngày 21/6/2023 dl là 70 tháng x 20%/năm = 87.500.000 đồng.

- Vốn vay 50.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 07/11/2020 dl đến ngày 07/7/2023 dl là 32 tháng x 20%/năm = 26.666.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 114.166.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi ông B, bà C đã đóng 02 khoản vay 70.000.000 đồng, nên ông B, bà C còn phải trả lãi cho bà A còn thiếu là 35.166.000 đồng.

Tổng cộng tiền vốn vay và lãi là 160.166.000 đồng. Tổng cộng tiền hụi và tiền vay là 626.081.000 đồng.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà C trình bày:* Đối với các dây hụi 1, 2, 3 và 5 theo như nguyên đơn trình bày và yêu cầu tôi trả tiền hụi, tôi không đồng ý, vì 4 dây hụi trên tôi đã đóng cho bà A đã mãn rồi. Ngoài ra, vào tháng 02/2023 tôi có gửi tiền hụi cho bà A số tiền 20.000.000 đồng, tháng 03/2023, tôi có gửi tiền hụi cho bà A số tiền 50.000.000 đồng, cũng trong tháng 3 không nhớ ngày tôi có gửi tiền hụi cho bà A số tiền 9.000.000 đồng. Tổng cộng 79.000.000 đồng. Nhưng mỗi lần tôi gửi tiền hụi cho bà A thì hai bên tự ghi vào sổ, không có làm biên nhận gì.

Đối với các dây hụi còn lại theo như bà A trình bày tôi thừa nhận, nhưng các dây hụi này tôi cũng có đóng hụi cho bà A nhiều lần tôi không nhớ bao nhiêu lần và số tiền bao nhiêu.

Đối với khoản vay ngày 30/6/2017 số tiền 75.000.000 đồng, tôi không có vay và bà A cho rằng tôi và ông B có đóng lãi cho bà 29.000.000 đồng là không có, vì tôi không có vay.

Đối với khoản vay ngày 22/9/2020 số tiền, tôi có vay 50.000.000 đồng của bà A và tôi có trả cho bà A số tiền vốn 50.000.000 đồng rồi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 245/2023/DS-ST, ngày 14-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biên, phường;

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà C và ông B phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà A số tiền nợ hụi và tiền lãi đã đóng hụi thay cho bị đơn tổng cộng là 465.915.000 đồng và tiền nợ vốn vay và lãi

là 160.166.000 đồng. Tổng cộng tiền hui, tiền vốn vay và lãi là 626.081.000 đồng (sáu trăm hai mươi sáu triệu không trăm tám mươi một ngàn đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Bị đơn bà C và ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: 626.081.000 đồng = 29.043.000 đồng (đã tính tròn số).

Nguyên đơn bà A được nhận lại 12.825.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010660 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 26-12-2023 các bị đơn ông B, bà C cùng làm đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền nợ hui và nợ vay không như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên, vì hiện nay chỉ còn nợ số tiền khoảng 350.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Các bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của các bị đơn, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm 245/2023/DS-ST, ngày 14-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị đơn ông B, bà C làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại

các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng, các bị đơn tham gia các dây hụi do nguyên đơn làm chủ, trong đó gồm 7 dây hụi do các bị đơn đã hốt, sau khi hốt xong thì các bị đơn không đóng các phần hụi chết nên nguyên đơn đóng thay, số tiền tổng cộng 07 dây hụi là 409.000.000 đồng. Ngoài ra các bị đơn vay hai lần với số tiền là 125.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu ông B, bà C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi còn thiếu là 409.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày số tiền hụi mà nguyên đơn đã ra tiền đóng thay đối với dây hụi 1, dây 2 và dây 3 với số tiền là: 56.915.000 đồng. Tổng cộng tiền hụi và tiền lãi hụi là: 465.915.000 đồng. Tiền vốn vay và tiền lãi là 114.166.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi ông B, bà C đã đóng 02 khoản vay 70.000.000 đồng, nên ông B, bà C còn phải trả cho bà tổng cộng tiền vốn vay, tiền hụi và tiền lãi là 626.081.000 đồng.

[2.2] Các bị đơn ông B, bà C thừa nhận có tham gia các dây hụi do nguyên đơn làm chủ và có vay tiền của nguyên đơn, nhưng đối với dây hụi thứ nhất, thứ hai và thứ ba thì các bị đơn đã đóng xong, hoàn thành số nợ. Các dây hụi từ thứ tư đến thứ bảy thì còn nợ. Đối với khoản vay thì cũng đã trả xong. Hiện tại số tiền nợ bà A khoảng 350.000.000 đồng, vì thời gian trước đó mỗi khi hốt hụi thì bà A đã trừ và có ghi giấy xác nhận trên giấy tập học sinh giao cho bị đơn bà C giữ.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn xuất trình các giấy viết tay và cho rằng khi hốt hụi thì nguyên đơn ghi và khấu trừ vào số tiền nợ hụi và tiền nợ vay.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà A thừa nhận các tờ giấy viết tay do bị đơn C xuất trình đúng là chữ viết của nguyên đơn, đồng thời nguyên đơn xuất trình quyển sổ do nguyên đơn tự ghi để theo dõi số tiền các hụi viên nợ trong đó có phần của các bị đơn ông B và bà C, đồng thời nguyên đơn trình bày: khi nguyên đơn với bà C tính toán phần nợ hụi, phần nào tính xong thì nguyên đơn gạch chéo và nguyên đơn thừa nhận vào ngày 20-02-2023 các bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền là 79.000.000 đồng, nhưng ở phiên tòa sơ thẩm chỉ nêu số tiền là 70.000.000 đồng.

[2.5] Qua lời trình bày nêu trên của các bên đương sự và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy:

- **Đối với khoản tiền vay:** Theo đơn khởi kiện bà A cho rằng vào ngày 30/6/2017 âm lịch (nhằm ngày 21/8/2017 dương lịch), các bị đơn vay số tiền là 75.000.000 đồng, các bị đơn có đóng tiền lãi được 29.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện này bà A xuất trình giấy ký tên của bà C ghi trên giấy tập học sinh, cụ thể như sau: “30/6/2017 tổng cộng 45.000.000 triệu; 15/6/2017 thế hụi 1.000.000 triệu; 30/6/2017 sau lấy 30.000.000 tr” (bút lục số 92).

Nhận thấy, theo quyển sổ do nguyên đơn cung cấp (trang thứ 1) được gạch chéo. Và tại trang thứ 1 có ghi ngày 30/6/2017 còn 30.000.000; ngày 30/8/2017 còn 30.000.000; ngày 30/6/2017 lấy 15.000.000 trang thứ 2 ghi ngày 30-4-2018, trang thứ 3 ghi đến ngày 30/8/2018, trang thứ 4 ghi đến ngày 5-12-2018, tất cả các trang này đều gạch chéo. Tại phiên tòa bà A trình bày phần gạch chéo đã kết toán xong. Căn cứ vào lời trình bày của bà A có cơ sở xác định số tiền nợ vay 75.000.000 đồng vào ngày 30/6/2017 âm lịch cũng đã được thanh toán.

- **Đồng thời cùng với tiền hụi của dây hụi 1:** Hụi mùa 5.000.000 đồng (04 tháng khui một lần), mở vào ngày 30/3/2012 âm, mãn ngày 30/3/2018 âm (nhằm ngày 15/5/2018 dương). Bà A cho rằng sau khi hốt hụi xong, ông B và bà C có đóng hụi chết lại cho bà 04 lần, còn 05 lần ông B, bà C không đóng hụi chết cho bà (05 lần x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng), nên còn nợ là 25.000.000 đồng.

Nhận thấy dây hụi 1 mãn vào ngày 30/3/2018 âm. Theo quyển sổ do nguyên đơn cung cấp ghi thời gian từ ngày 10-5-2017 đến ngày 5-12-2018 (từ trang thứ 1 đến trang thứ 4) thì tất cả các trang đều được gạch chéo. Như vậy có cơ sở xác định dây hụi 1 mãn vào ngày 30/3/2018 âm cũng đã được thanh toán. Tuy nhiên, tại trang thứ 5 của quyển sổ ghi "*ngày 30/3/2018 hốt hụi trả còn 55.748.000; trả thêm 748.000 còn thiếu 55.000.000*". Như vậy có cơ sở xác định vào ngày 30/3/2018 âm khi dây hụi 1 đã mãn thì giữa bà A và bà C đã kết toán các khoản, trong đó có khoản vay vào ngày 30/6/2017 âm lịch với số tiền như đã nêu trên và tiền hụi của dây hụi 1 thì bà C còn nợ 55.000.000 đồng. Nên kháng cáo của các bị đơn về khoản tiền nợ vay ngày 30/6/2017 âm lịch và nợ hụi của dây hụi 1 có một phần cơ sở được chấp nhận.

- **Đối với dây hụi 2:** Hụi mùa 5.000.000 đồng 03 tháng khui một lần, mở vào ngày 10/7/2013 âm lịch, mãn vào ngày 20/10/2019 âm lịch (nhằm ngày 06/11/2019 dương lịch). Bà A cho rằng sau khi hốt hụi xong, thì ông B, bà C có đóng hụi chết được 04 lần, còn lại 10 lần hụi chết ông B, bà C không đóng là 50.000.000 đồng.

Nhận thấy, theo tờ biên nhận ngày 20/3/2016 âm lịch thì bà C, ông B là người hốt hụi lần thứ 12 của dây hụi thứ 2. Bà A cho rằng sau khi hốt hụi xong, thì ông B, bà C có đóng hụi chết được 04 lần. Như vậy thì các bị đơn chỉ đóng đến 20/3/2017. Tuy nhiên, theo quyển sổ do nguyên đơn cung cấp thì thời gian từ ngày 10-5-2017 đến ngày 5-12-2018 (từ trang thứ 1 đến trang thứ 4) thì tất cả các trang đều được gạch chéo. Tại trang thứ 5 ghi ngày 30/3/2018 thì nguyên đơn xác định còn nợ 55.000.000 đồng như đã nêu trên. Như vậy, dây hụi này các bị đơn đã đóng đến ngày 30/3/2018, nên tính đến ngày mãn hụi là ngày 20/10/2019 thì các bị đơn chỉ còn nợ 06 lần tương ứng số tiền 5.000.000 đồng x 6 lần = 30.000.000 đồng.

- **Đối với dây hụi 3:** Hụi mùa 5.000.000 đồng 03 tháng khui một lần, mở vào ngày 20/9/2015 âm lịch, mãn vào ngày 20/10/2019 âm lịch (nhằm ngày

06/11/2019 dương lịch). Bà A cho rằng sau khi hết hội xong, thì ông B và bà C không đóng hội chết 14 lần nên nợ số tiền là 70.000.000 đồng.

Nhận thấy, theo tờ biên nhận ngày 30-6-2017 âm lịch thì ông B, bà C hết lần thứ 8 của dây hội thứ 3. Tuy nhiên, theo quyển sổ do nguyên đơn cung cấp thì thời gian từ ngày 10-5-2017 đến ngày 5-12-2018 (từ trang thứ 1 đến trang thứ 4) thì tất cả các trang đều được gạch chéo. Tại trang thứ 5 ngày 30/3/2018 thì nguyên đơn xác định còn nợ 55.000.000 đồng như đã nêu trên. Như vậy, dây hội này các bị đơn đã đóng đến ngày 30/3/2018. Tính đến ngày mãn hội thì chỉ còn nợ 06 lần tương ứng số tiền 5.000.000 đồng x 6 lần = 30.000.000 đồng.

- **Đối với dây hội 4:** Hội mùa 5.000.000 đồng 04 tháng khai một lần, mở vào ngày 20/3/2018 âm lịch, mãn vào ngày 20/11/2023 âm lịch, có 18 phần, ông B và bà C tham gia 01 phần, ông B và bà C đóng hội sống được 03 lần, đến lần thứ 4 thì ông B và bà C hết. Bà A cho rằng sau khi hết hội xong, thì ông B và bà C không đóng hội chết còn nợ 14 lần là 70.000.000 đồng.

Nhận thấy, tại tờ biên nhận ngày 30-3-2019 âm lịch (tức ngày 04-5-2019 dương lịch) bà C, ông B ký tên hết lần thứ 4 được 55.600.000 đồng. Sau khi hết hội các bị đơn không chứng minh được số tiền đã đóng hội chết. Quyển sổ của bà A ghi thể (tức nộp thay), do vậy nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả số tiền do nguyên đơn đóng thay đến khi mãn hội tổng cộng 14 lần tương ứng với số tiền 70.000.000 đồng là có cơ sở.

- **Đối với dây hội 5:** Hội tháng 3.000.000 đồng 02 tháng khai một lần, mở vào ngày 25/7/2018 âm lịch, mãn vào ngày 25/10/2021 âm lịch, có 21 phần, ông B và bà C tham gia 01 phần. Nguyên đơn cho rằng ông B và bà C đóng hội sống được 02 lần, đến lần thứ 3 thì ông B và bà C hết được số tiền 46.320.000 đồng. Sau khi hết hội xong, thì ông B và bà C không đóng hội chết được 18 lần là 54.000.000 đồng.

Nhận thấy, tại biên nhận ngày 05-12-2018 âm lịch (tức ngày 10-11-2019 dương lịch), bà C, ông B ký tên hết lần thứ 3 được 46.320.000 đồng.

Các bị đơn không chứng minh được số tiền đã đóng hội chết, do vậy nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả số tiền do nguyên đơn đóng thay 18 lần tương ứng với số tiền 54.000.000 đồng là có cơ sở.

- **Đối với dây hội 6:** Hội tháng 5.000.000 đồng 02 tháng khai một lần, mở vào ngày 10/9/2020 âm lịch, mãn vào ngày 25/10/2021 âm lịch, có 21 phần, ông B và bà C tham gia 01 phần, ông B và bà C hết lần đầu, hết được 70.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện bà A cho rằng sau khi hết hội xong, thì ông B và bà C không đóng hội chết được 16 lần là 80.000.000 đồng.

Và dây hội 7: Hội tháng 5.000.000 đồng 03 tháng khai một lần, mở vào ngày 20/6/2020 âm lịch, mãn vào ngày 20/5/2026 âm lịch, có 25 phần, ông B và bà C tham gia 01 phần, ông B và bà C hết đầu, hết được 73.100.000 đồng. Theo đơn

khởi kiện bà A cho rằng sau khi hốt hụi xong, thì ông B và bà C không đóng hụi chết được 12 lần là 60.000.000 đồng.

Nhận thấy, bà C thừa nhận tại tờ biên nhận ngày 20-9-2020 âm lịch (tức ngày 05-11-2020 dương lịch) bà C, ông B ký tên hốt lần thứ đầu của dây thứ 6 được 70.000.000 đồng. Và tại tờ biên nhận ngày 30-6-2020 âm lịch (tức ngày 18-8-2020 dương lịch) bà C, ông B ký tên hốt lần thứ đầu của dây thứ 7 được 73.100.000 đồng. Và tờ biên tiền vay ngày 22-9-2020 âm lịch (tức ngày 07-11-2020 dương lịch) bà C ông B ký tên vay 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà C trình bày dây hụi 7 là hốt trước dây hụi thứ 6 và khi hốt hụi thì bà A có đưa cho bà tờ giấy tập học sinh ghi số tiền trừ 56.000.000 đồng và 11.250.000 đồng và thực tế bà chỉ nhận số tiền hốt hụi là 2.850.000 đồng. Phía bà A thừa nhận đúng dây hụi này thực tế bà A giao cho bà C số tiền ghi trên giấy học sinh là 2.850.000 đồng.

Đồng thời bà C cho rằng khi hốt dây hụi thứ 6 vào ngày 20-9-2020 âm lịch (tức ngày 5-11-2020 dương lịch) thì bà A đã cản trở trong đó có tiền nợ vay 50.000.000 đồng và bà A đã giao cho bà tờ giấy ghi số tiền hai bên cản trở. Phía bà A thừa nhận đúng là như lời bà C trình bày. Mặt khác, tại biên bản đối chất ngày 23-4-2024 có nội dung như sau:

“Bà A ý kiến: Tờ giấy viết trên $\frac{1}{4}$ của tập học sinh do bà C cung cấp và tôi được xem đúng là chữ viết của tôi.

Bà C ý kiến: giấy tập học sinh do tôi cung cấp tại phiên tòa ghi mượn 50.000.000 đồng. Bù 35 triệu, còn dư 15 triệu, trả 14.678.000 đồng còn 322.000 đồng bà A giao luôn cho tôi là số tiền kết toán của dây hụi 6.

Bà A ý kiến: Lời trình bày nêu trên của bà C là đúng. Số tiền tôi giao luôn 322.000 đồng là tiền hụi và tiền vay giữa tôi với Thụ hai bên kết toán khi Thụ hốt dây hụi thứ 6. Nhưng trên tờ giấy tập học sinh tôi giao cho Thụ có ghi như sau:

Hụi mới $20 \times 3.500 = 70.000.000$ đồng; Cho (hoa hồng) 2.500.000 đồng, nên tiền hốt hụi được 67.500.000 đồng. Tôi bù thêm 35.000.000 đồng là tiền tôi bù cho C để C có tiền trả cho em của C.

Mượn 50.000.000 đồng là trả khoảng tiền vay của biên nhận ngày 22-9-2020 âm lịch. Trừ bù 35.000.000 đồng (phía dưới của phần ghi mượn 50.000.000 đồng) là tiền bà C trả lại tôi. Còn dư 15.000.000 đồng. Thụ trả 14.678.000 đồng. Nên còn lại 322.000 đồng giao luôn. Tôi giao cho C”.

Căn cứ vào biên bản đối chất và lời trình bày như đã nêu trên của các bên đương sự nhận thấy khoản tiền bà C vay 50.000.000 đồng theo biên nhận ngày 22-9-2020 thì bà C đã trả xong và đã được khấu trừ khi hốt hụi của dây hụi thứ sáu. Như vậy dây hụi thứ 6 đến ngày 25/10/2021 mới mãn, dây hụi này bà C hốt lần đầu có 21 phần. Sau khi hốt hụi xong, thì ông B và bà C có đóng được 4 lần hụi chết, không đóng hụi chết 16 lần tương ứng số tiền bà A đóng thay là 80.000.000 đồng là

phù hợp với sổ theo dõi của bà A. Nên bà A yêu cầu trả khoản hui này là có cơ sở. Và dây hui 7 mở vào ngày 20/6/2020 âm lịch, mãn vào ngày 20/5/2026 âm lịch, có 25 phần, ông B và bà C tham gia 01 phần, ông B và bà C hốt đầu. Sau khi hốt hui xong, thì ông B và bà C không đóng hui chết 12 lần là tính đến ngày bà A khởi kiện là tháng 6/2023 tương ứng số tiền là 60.000.000 đồng. Nên bà A yêu cầu trả khoản hui này là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, nhận thấy kháng cáo của các bị đơn có một phần được chấp nhận, cụ thể các bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền như sau:

- Tiền vay theo biên nhận ngày 30/6/2017 âm lịch và dây hui 1 tính đến ngày 30/3/2018 âm là 55.000.000 đồng.

Và tiền lãi tính từ ngày 30-3-2018 âm lịch (tức ngày 15-5-2018 dương lịch đến ngày 15/7/2023) là: $55.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 62 \text{ tháng} = 28.405.300 \text{ đồng}$.

- Đối với dây hui 2: nợ 30.000.000 đồng.

Và tiền lãi tính từ ngày 06/11/2019 đến ngày 06/7/2023 là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 44 \text{ tháng} = 10.995.600 \text{ đồng}$.

- Đối với dây hui 3: nợ 30.000.000 đồng.

Và tiền lãi tính từ ngày 06/11/2019 đến ngày 06/7/2023 là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 44 \text{ tháng} = 10.995.600 \text{ đồng}$.

- Đối với dây hui 4: 70.000.000 đồng.

- Đối với dây hui 5: 54.000.000 đồng.

- Đối với dây hui 6: 80.000.000 đồng.

- Dây hui 7: 60.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền hui và tiền lãi là 429.396.500 đồng.

Tại phiên tòa bà A thừa nhận vào ngày 20-02-2023 các bị đơn có gởi trả số tiền 79.000.000 đồng, nên được trừ vào số tiền nêu trên, như vậy bà C và ông B có trách nhiệm trả cho bà A số tiền là 350.396.500 đồng.

Với những phân tích nêu trên, nhận thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn có cơ sở được chấp nhận.

[3] Do kháng cáo của các bị đơn ông B, bà C được chấp nhận, nên các bị đơn không phải chịu án dân sự phúc thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông B, bà C.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 245/2023/DS-ST, ngày 14-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và các Điều 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ –CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường.

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà C và ông B phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà A số tiền nợ hui và tiền lãi đã đóng hui thay cho bị đơn tổng cộng là 350.396.500 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng các bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc buộc bà C và ông B phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà A số tiền nợ hui và tiền lãi đã đóng hui thay và tiền nợ vay là 275.684.500 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn bà C và ông B phải chịu là 17.519.825 đồng.

- Nguyên đơn bà A phải chịu là 13.784.225 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 12.825.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010660 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, như vậy bà A còn phải nộp số tiền là 959.225 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông B, bà C không phải chịu, hoàn trả cho ông B, bà C mỗi người là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tiền số 0001074, 0001075 ngày 26-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THA huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Tố Hương